

Số: 35/2022/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 13 tháng 10 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật  
trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi  
thuộc phạm vi quản lý của các địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Luật Thủy lợi năm 2017;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/ 5/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước; số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;*

*Căn cứ Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15/ 8/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sử dụng nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2019/TT-BNNPTNT ngày 02/5/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chế độ, quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;*

*Căn cứ Quyết định số 2891/QĐ-BNN-TL ngày 12/10/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành hướng dẫn xây dựng định mức kinh tế*

kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Quyết định số 2235/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Đề cương, dự toán kinh phí thực hiện dự án: Rà soát, xây dựng bổ sung Định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 4223/TTr-NN&PTNT ngày 20/9/2022; Báo cáo kết quả thẩm định số 611/TL ngày 31/12/2021 của Chi cục Thủy lợi và Báo cáo thẩm định số 385/BC-STP ngày 13/12/2021 của Sở Tư pháp.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của các địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, với các nội dung sau:

#### **1. Phạm vi áp dụng**

Phạm vi áp dụng định mức - kinh tế kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi của các địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh áp dụng cho các công trình, hệ thống công trình thủy lợi được Nhà nước đầu tư, quản lý, bao gồm: Các công trình thủy lợi đã được UBND tỉnh phân cấp quản lý cho các địa phương theo Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND, ngày 26/6/2019; các công trình được đầu tư xây dựng, đưa vào quản lý, khai thác sau ngày Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND có hiệu lực được giao cho các địa phương quản lý; các công trình giao cho Công ty TNHH 1TV Thủy lợi: Đông Triều, Yên Lập và Miền Đông quản lý, khai thác nhưng chưa có trong định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành theo Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 của UBND tỉnh Quảng Ninh.

Đối với công trình thủy lợi do tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng thì khuyến khích áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật này.

#### **2. Đối tượng áp dụng**

Quyết định này làm cơ sở cho việc bố trí, sắp xếp và sử dụng lao động hợp lý; quản lý vận hành công trình thủy lợi theo đúng quy trình, quy phạm; giao khoán trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trong đơn vị (Tổ, cụm, trạm thủy nông,...); xác định các khoản mục chi phí hợp lý hợp lệ; thực hiện hạch toán kinh tế có hiệu quả; lập kế hoạch sản xuất, kế hoạch tài chính hàng năm của đơn vị; làm cơ sở để các cơ quan quản lý Nhà nước thẩm tra, thẩm định kế hoạch sản xuất, kế hoạch tài chính của đơn vị; xây dựng giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi; là cơ sở để giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu quản lý, khai thác công trình thủy lợi cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

**3. Nội dung định mức kinh - tế kỹ thuật trong quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, bao gồm:**

- Định mức lao động;
- Định mức sử dụng nước tưới tại mặt ruộng;
- Định mức tiêu thụ điện năng cho các trạm bơm;
- Định mức tiêu hao vật tư, nguyên nhiên liệu và điện năng cho công tác vận hành, bảo dưỡng máy móc thiết bị công trình thủy lợi;
- Định mức sửa chữa thường xuyên tài sản cố định;
- Định mức chi phí quản lý chung.

*(Chi tiết có định mức kinh tế - kỹ thuật kèm theo)*

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/11/2022.
2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các Sở, ngành liên có liên quan quan hướng dẫn các địa phương, đơn vị có liên quan thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật này theo quy định; chủ động giải quyết những vướng mắc phát sinh theo thẩm quyền.

**Điều 3.** Các ông, bà: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội, Công Thương, Xây dựng, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các tổ chức thủy lợi cơ sở và Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Bộ NN&PTNT (b/c);
- Bộ Tư pháp (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TTHĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (thực hiện);
- V0, V1, V2, NLN3, TM3;
- Lưu: VT, NLN1 (10b - QĐ 102).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phạm Văn Thành**